ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP TOÁN 6 HKI

Bài 1: Tìm số phần tử của mỗi tập hợp sau:

A = { x ∈ N\* / x < 8} B = { x ∈ N / x – 8 = 12 }

H = { 21;23;25;….;215} M = { 57;60;63;…;423}

Bài 2: a) Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 4 và không vượt quá 7 bằng hai cách.

b) Tập hợp các số tự nhiên khác 0 và không vượt quá 12 bằng hai cách.

Bài 3: Viết tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử.

a)A = {x ∈ N⎮10 < x <16} b) D = {x ∈ N⎮10 < x ≤ 100} c)G = {x ∈ N\*⎮x ≤ 4}

Bài 4: Viết tập hợp sau và cho biết mỗi tập hợp có bao nhiêu phần tử

1. Tập hợp các số tự nhiên khác 0 và không vượt quá 50.
2. Tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 100.

Bài 5: Thực hiện phép tính:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. 3.52 + 15.22 – 26:2

b)29 – [16 + 3.(51 – 49)] | c)(519 : 517 + 3) : 7d)295 – (31 – 22.5)2 | e)151 – 291 : 288 + 12.3f)  |
| Bài 6: Thực hiện phép tính:1. 102 – [60 : (56 : 54 – 3.5)]
2. 2010 – 2000 : [486 – 2(72 – 6)]
 | 1. 568 – {5[143 – (4 – 1)2] + 10} : 10
2. 107 – {38 + [7.32 – 24 : 6+(9 – 7)3]}:15
3.
 |

Bài 7:Tính bằng cách hợp lý:

a/ 53 : 52  + 96 c/ 17.75 + 17.25 – 125 e/ 21.16 + 37.21 + 21.63

h/ 711: 79 - 62 + 23.2 g/ 117:{[79 – 3(33 – 17 )]:7 + 2} m/ 27:23 + 23.20 - 110

Bài 8: Tìm x,biết:

a/ 124 +(118 – x)=217 b/ 156 – (x + 61) = 82 c/ 219 – 7(x + 1) = 100

p/3636:(12x – 91) = 36 q/ (x – 27):12 = 2004 v/ 72 – (13 + 4x) = 5.23

Bài 9:

a/ Tìm số tự nhiên x ,biết 108  x , 180  x và x> 15

b/ x  6, x  15 và 60  x  300

c/ a nhỏ nhất khác 0 , biết a  36 , a  30 và a  20

h/ Tìm số tự nhiên a lớn nhất ,biết 420  a , 700  a

Bài 10: Tìm x:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. 71 – (33 + x) = 26
2. 45 – (x + 9) = 6
 | 1. 140 : (x – 8) = 7
2. 200 – (2x + 6) = 43
 | 1. 2(x- 51) = 2.23 + 20
2. 32(x + 4) – 52 = 5.22
 |

Bài 11:

a/ 7x – 2x = 617 : 615 + 44 : 11 b/ 4x = 6 c/ 9x–1 = 9 d/ 2x : 25 = 1

Bài 12: Số học sinh khối 6 của trường khi xếp thành 12 hàng, 15 hàng, hay 18 hàng đều dư ra 9 học sinh. Hỏi số học sinh khối 6 trường đó là bao nhiêu? Biết rằng số đó lớn hơn 300 và nhỏ hơn 400.

Bài 13: Học sinh lớp 6C khi xếp hàng 2, hàng 3, hàng 4, hàng 8 đều thừa 1 người. Biết số học sinh lớp đó trong khoảng từ 35 đến 60. Tính số học sinh lớp 6C.

Bài 14: Học sinh lớp 6C khi xếp hàng 2, hàng 3, hàng 4, hàng 8 đều thiếu 1 người. Biết số học sinh lớp đó trong khoảng từ 35 đến 60. Tính số học sinh lớp 6C.

Bài 15: Học sinh lớp 6C khi xếp hàng 2, hàng 3 đều thừa 1 người, hàng 4, hàng 8 đều thừa 3 người. Biết số học sinh lớp đó trong khoảng từ 35 đến 60. Tính số học sinh lớp 6C.

Bài 16: Học sinh lớp 6C khi xếp hàng 2, hàng 3 thì vừa đủ hàng, nhưng xếp hàng 4 thì thừa 2 người, xếp hàng 8 thì thừa 6 người. Biết số học sinh lớp đó trong khoảng từ 35 đến 60. Tính số học sinh lớp 6C.

Bài 17 : Tìm x biết

a/ x là ước chung của 36, 24 và x ≤ 20. b/ x là ước chung của 60, 84, 120 và x ≥ 6

c/ 91 và 26 cùng chia hết cho x và 10 < x < 30. d/ 70, 84 cùng chia hết cho x và x > 8.

Bài 18: Tìm số tự nhiên x > 0 biết

a/ 35 chia hết cho x b/ x – 1 là ước của 6 c/ 10 chia hết cho (2x + 1)

d/ x chia hết cho 25 và x < 100 e/ x + 13 chia hết cho x + 1 f/ 2x + 108 chia hết cho 2x + 3

Bài 19: Một Khu đất hình chữ nhật có chiều dài 52 m, chiều rộng 36 m. Người ta muốn chia khu đất đó thành những khoảnh hình vuông bằng nhau để trồng các loại rau. Tính độ dài lớn nhất của cạnh hình vuông ?

Bài 20: Một số học sinh của lớp 6A và 6B cùng tham gia trồng cây. Mỗi học sinh đều trồng được số cây như nhau. Biết rằng lớp 6A trồng được 45 cây, lớp 6B trồng được 48 cây. Hỏi mỗi lớp có bao nhiêu học sinh tham gia lao động trồng cây ?

Bài 21: Mỗi công nhân đội 1 làm được 24 sản phẩm, mỗi công nhân đội 2 làm được 20 sản phẩm. Số sản phẩm hai đội làm bằng nhau. Tính số sản phẩm của mỗi đội, biết số sản phẩm đó khoảng từ 100 đến 210 ?

Bài 22: Tìm ƯCLN và BCNN của:

a) 220; 240 và 300 b) 40; 75 và 106 c) 18; 36 và 72

Bài 23: Tìm x biết:

a) x  12; x  25; x  30 và 0 ≤ x ≤ 500 b) 70  x; 84  x; 120  x và x > 8

*Bài 24: Tìm x, biết:*

a) x - 7 = -5 b) 128 - 3 . ( x+4) = 23

c)( 3x - 24 ) . 73 = 2 . 74  d) x - [ 42 + (-28)] = -8

*Bài 25: Tìm số nguyên x, biết:*

a) | x + 2| = 0 b) | x - 5| = |-7|

c) ( 7 - x) - ( 25 + 7 ) = - 25 d) | x - 3| = |5| + | -7|

*Bài 26: Tính tổng sau:*

A = 101 + 103 + 105 + … + 201

B = (-1) + 2 -3 + 4 - 5 + 6 - … - 99 + 100

Bài 27: Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: 3; –5; 6; 4; –12; –9; 0.

Bài 28: Bỏ dấu ngoặc rồi tính:

a/ (15 + 37) + (52 – 37 – 17) b/ (38 – 42 + 14) – (25 – 27 – 15)

Bài 29: Tính

a/ 13.(–7) b/ (–8).(–25) c/ 25.(–47).(–4)

d/ 12.35 + 35.182 – 35.94 e/ (35 – 17) + (17 + 20 – 35)

Bài 30: Tổng(hiệu) sau là hợp số hay số nguyên tố?

 a/ 5.7.9.11 - 2.3.7 b/ 835.123 + 318

 c/ 2.5.6 – 2.29 d / 5.7.11 + 13.17

Bài 31: Tìm các chữ số a, b để:

|  |  |
| --- | --- |
| * 1. Số 4a12b chia hết cho cả 2; 5 và 9.
 | b)Số 2a19b chia hết cho cả 2; 5 và 9. |

Bài 32. khi chia số tự nhiên a cho 36 ta được số dư là 12 hỏi a có chia hết cho 4 không? Có chia hết cho 9 không?

Bài 33: Tìm số tự nhiên x biết:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. 64x ; 48x ; 88x và x lớn nhất.
2. x ∈ ƯC(54,12) và x lớn nhất.
 | 1. 70x ; 84x và x>8.
2. 15x ; 20x và x>4.
 |

Bài 34:Một người thợ phải làm các khung thép hình

chữ nhật có chiều dài dài 35cm, chiều rộng 30cm để

làm đai cho cột bê tông cốt thép. Nếu dùng 260m dây

thép thì người đó sẽ làm được bao nhiêu khung thép như vậy.

Bài 35: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 25m.

Chiều rộng bằng  chiều dài. Người ta làm hai lối đi rộng

1m như hình vẽ. Phần đất còn lại dùng để trồng cây.

Tính diện tích đất dùng để trồng cây.

*Bài 3*6:Trên mảnh đất có dạng hình chữ nhật với chiều dài 28m và chiều rộng là 24m, người ta định xây một vườn hoa hình chữ nhật và bớt ra một phần đường đi như ở hình bên.

1. Tính diện tích mảnh đất có dạng hình chữ nhật đó.
2. Tính diện tích vườn hoa.
3. Người ta định dùng những viên gạch chống trượt có dạng hình vuông có cạnh 50cm để lát đường đi. Cần dùng bao nhiêu viên gạch như thế? Biết rằng diện tích các mối nối và sự hao hụt là không đáng kể.
4. Người ta làm hàng rào xung quanh vườn hoa. Tính chiều dài hàng rào đó.

Bài 37: Tính chu vi và diện tích của mảnh vườn có hình dạng và kích thước như hình sau



Bài 38: Một mảnh sân nhà có hình dạng và kích thước như hình bên:

1. Tính diện tích mảnh sân.
2. Nếu lát sân bằng những viên gạch hình vuông có cạnh 50cm thì cần bao nhiêu viên gạch.

Bài 39: Tính chu vi của hình bên, biết BCDE là hình chữ nhật có diện tích .

, ABGK là hình chữ nhật có diện tích , .



Bài 40: Cho một khu vườn với kích thước như hình bên

Hãy tính diện tích của khu vườn bằng hai cách sau:

1. Tính diện tích của hình ABCG và GDEF.
2. Tính diện tích của hình AHEF và BHDC.
3. Tính chu vi của khu vườn.

Bài 41: Tính diện tích hình sau:

Bài 42: Chỉ ra và vẽ trục đối xứng của một số hình sau:





Bài 44: Cho hình thang cân ABCD có độ dài đáy , độ dài đáy CD gấp đôi độ dài đáy AB, độ dài chiều cao AH bằng 3cm. Tính diện tích hình thang cân ABCD.



*( Trích SGK Toán 6 Cánh diều)*

Bài 45: Tính diện tích và chu vi hình được tô màu sau:

Bài 46: Một mảnh vườn có dạng như hình vẽ bên.

Để tính diện tích mảnh vườn, người ta chia nó thành

hình thang ABCD và hình bình hành ADEF có kích

thước như sau:

.

Hãy tính diện tích mảnh vườn này.

Bài 47: Tính diện tích hình sau:



Bài 48: Tính diện tích của hình bên, biết , ,  và . ABCD là hình thang, BDEG là hình thoi, ba điểm A, B, E thẳng hàng.



Bài 49: Một chiếc bàn khung théo được thiết kế như hình bên.

Mặt bàn là hình thang cân có hai đáy lần lượt là 1 200mm,

600mm và cạnh bên là 600mm. Chiều cao bàn là 730mm.

Hỏi làm một chiếc khung bàn nói trên cần bao nhiêu mét thép

( coi mối hàn là không đáng kể)

Bài 50: Một thửa ruộng có hạng như hình bên.

Nếu trên mỗi mét vuông thu hoạch được 0,8 kg thóc

thì thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu kg thóc?

Bài 51: Một ngôi nhà có bãi cỏ bao quanh như hình bên.

1. Hãy tính diện tích của bãi cỏ.
2. Nếu một túi hạt giống cỏ gieo vừa đủ trên  đất,

thì cần bao nhiêu túi hạt giống để gieo hết bãi cỏ?

Bài 52: Quan sát các hình sau và tính diện tích của phần tô xanh ở mỗi hình đó.



Bài 53: Bạn Thảo muốn cắt miếng bìa màu xanh có diện tích  hình hình bên. Biết chu vi hình vuông ABCD là 16cm. Tính giúp bạn Thảo độ dài cạnh EG.

Bài 34:Một người thợ phải làm các khung thép hình

chữ nhật có chiều dài dài 35cm, chiều rộng 30cm để

làm đai cho cột bê tông cốt thép. Nếu dùng 260m dây

thép thì người đó sẽ làm được bao nhiêu khung thép như vậy.

Bài 35: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 25m.

Chiều rộng bằng  chiều dài. Người ta làm hai lối đi rộng

1m như hình vẽ. Phần đất còn lại dùng để trồng cây.

Tính diện tích đất dùng để trồng cây.

*Bài 3*6:Trên mảnh đất có dạng hình chữ nhật với chiều dài 28m và chiều rộng là 24m, người ta định xây một vườn hoa hình chữ nhật và bớt ra một phần đường đi như ở hình bên.

1. Tính diện tích mảnh đất có dạng hình chữ nhật đó.
2. Tính diện tích vườn hoa.
3. Người ta định dùng những viên gạch chống trượt có dạng hình vuông có cạnh 50cm để lát đường đi. Cần dùng bao nhiêu viên gạch như thế? Biết rằng diện tích các mối nối và sự hao hụt là không đáng kể.
4. Người ta làm hàng rào xung quanh vườn hoa. Tính chiều dài hàng rào đó.

Bài 37: Tính chu vi và diện tích của mảnh vườn có hình dạng và kích thước như hình sau



Bài 38: Một mảnh sân nhà có hình dạng và kích thước như hình bên:

1. Tính diện tích mảnh sân.
2. Nếu lát sân bằng những viên gạch hình vuông có cạnh 50cm thì cần bao nhiêu viên gạch.

Bài 39: Tính chu vi của hình bên, biết BCDE là hình chữ nhật có diện tích .

, ABGK là hình chữ nhật có diện tích , .



Bài 40: Cho một khu vườn với kích thước như hình bên

Hãy tính diện tích của khu vườn bằng hai cách sau:

1. Tính diện tích của hình ABCG và GDEF.
2. Tính diện tích của hình AHEF và BHDC.
3. Tính chu vi của khu vườn.

Bài 41: Tính diện tích hình sau:

Bài 42: Chỉ ra và vẽ trục đối xứng của một số hình sau:



Bài 44: Cho hình thang cân ABCD có độ dài đáy , độ dài đáy CD gấp đôi độ dài đáy AB, độ dài chiều cao AH bằng 3cm. Tính diện tích hình thang cân ABCD.



*( Trích SGK Toán 6 Cánh diều)*

Bài 45: Tính diện tích và chu vi hình được tô màu sau:

Bài 46: Một mảnh vườn có dạng như hình vẽ bên.

Để tính diện tích mảnh vườn, người ta chia nó thành

hình thang ABCD và hình bình hành ADEF có kích

thước như sau:

.

Hãy tính diện tích mảnh vườn này.

Bài 47: Tính diện tích hình sau:



Bài 48: Tính diện tích của hình bên, biết , ,  và . ABCD là hình thang, BDEG là hình thoi, ba điểm A, B, E thẳng hàng.



Bài 49: Một chiếc bàn khung théo được thiết kế như hình bên.

Mặt bàn là hình thang cân có hai đáy lần lượt là 1 200mm,

600mm và cạnh bên là 600mm. Chiều cao bàn là 730mm.

Hỏi làm một chiếc khung bàn nói trên cần bao nhiêu mét thép

( coi mối hàn là không đáng kể)

Bài 50: Một thửa ruộng có hạng như hình bên.

Nếu trên mỗi mét vuông thu hoạch được 0,8 kg thóc

thì thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu kg thóc?

Bài 51: Một ngôi nhà có bãi cỏ bao quanh như hình bên.

1. Hãy tính diện tích của bãi cỏ.
2. Nếu một túi hạt giống cỏ gieo vừa đủ trên  đất,

thì cần bao nhiêu túi hạt giống để gieo hết bãi cỏ?

Bài 52: Quan sát các hình sau và tính diện tích của phần tô xanh ở mỗi hình đó.



Bài 53: Bạn Thảo muốn cắt miếng bìa màu xanh có diện tích  hình hình bên. Biết chu vi hình vuông ABCD là 16cm. Tính giúp bạn Thảo độ dài cạnh EG.